

Bản án số: 32/2020/HS-ST

Ngày 13-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Hương

2. Bà Dương Thị Thu Hằng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Mạnh Hùng, Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 32/2020/TLST- HS, ngày 05 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vi Hồng A; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 11 tháng 1 năm 1996; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm TĐ, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Vi Văn C, sinh năm 1971; Con bà: Diệp Thị B, sinh năm 1968; Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ 2; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

2. Họ và tên: Lục Văn D; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 24 tháng 4 năm 1998; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm BT, xã BĐ, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Lục Văn E, sinh năm 1973; Con bà: Trần Thị F, sinh năm 1973; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 03; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/03/2020 đến ngày 18/03/2020. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

3. Họ và tên: **Trương Văn G**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm BT, xã BĐ, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Trương Văn H, sinh năm 1963; Con bà: Hoàng Thị K, sinh năm 1963; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 05; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

4. Họ và tên: **Ân Văn L**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 27 tháng 6 năm 1994; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm BT, xã BĐ, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Ân Văn M, sinh năm 1968; Con bà: Đặng Thị N, sinh năm 1966; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 04; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

5. Họ và tên: **Ân Văn P**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 02 tháng 4 năm 1996; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm BT, xã BĐ, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Ân Văn O, sinh năm 1976; Con bà: Vi Thị I, sinh năm 1975; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 03; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không .

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

6. Họ và tên: **La Văn U**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 05 tháng 9 năm 1995; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm TĐ, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: La Văn Y, sinh năm 1972; Con bà: Lê Thị T, sinh năm 1974; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 03; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/03/2020 đến ngày 18/03/2020. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

7. Họ và tên: **La Văn R**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 6 tháng 02 năm 1996; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm TĐ, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: La Tú W, sinh năm 1972; Con bà: Lăng Thị Q, sinh năm 1970; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 03; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

8. Họ và tên: **La Văn Z**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12 tháng 6 năm 1998; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm BT, xã BĐ, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: La Văn A1, sinh năm 1966; Con bà: Vĩ Thị B1, sinh năm 1967; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 04; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

9. Họ và tên: **Hoàng Văn X**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 6 tháng 7 năm 1996; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm BT, xã BĐ, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Hoàng Văn C1(đã chết); Con bà: Đặng Thị D1, sinh năm 1960; Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 06; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/03/2020 đến ngày 18/03/2020. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

10. Họ và tên: **La Văn M1**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 27 tháng 9 năm 1991; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm TĐ, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: La Văn E1, sinh năm 1972; Con bà: Lê Thị L1, sinh năm 1974; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

***Người làm chứng:**

- Anh Vy Văn T1, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm TĐ, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

***Người chứng kiến:**

Ông Dương Văn K1, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm TĐ, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 30 phút ngày 16/3/2020, Tổ công tác Công an huyện Đ phối hợp cùng Công an xã TL phát hiện, bắt quả tang tại khu vực bãi trồng cây keo của ông Vi Văn T1 (sinh năm 1970), thuộc xóm TĐ, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên), gồm

nhiều đối tượng đang tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Tổ công tác bắt được 03 đối tượng gồm Lục Văn D, La Văn U, Hoàng Văn X. Còn một số đối tượng lợi dụng lúc hỗn loạn đã bỏ chạy thoát. Thu giữ tại nơi đánh bạc gồm: số tiền 5.700.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 01 đĩa sứ, 01 bát sứ và 04 quân đóm bằng tre, một mặt được bôi đen, một mặt trắng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với D, U, X và niêm phong, thu giữ vật chứng theo quy định. Đến ngày 16/3/2020, các đối tượng đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đầu thú về hành vi phạm tội của mình, gồm: Trương Văn G (bỏ về trước khi bắt quả tang), La Văn Z, Ân Văn L, Ân Văn P, La Văn R, La Văn M1 và Vi Hồng A.

Các bị cáo đã khai nhận như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 15/3/2020, Trương Văn G, Lục Văn D, La Văn Z, Vi Hồng A, La Văn R và La Văn U đứng nói chuyện với nhau ở khu vực đường thuộc xóm TĐ, xã TL, huyện Đ. Lúc này, A rủ mọi người “làm tý” thì mọi người đều hiểu là “đánh bạc” được thua bằng tiền thì tất cả đồng ý. Sau đó, A chuẩn bị 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, D dùng tre làm 04 quân vị bôi đen một mặt rồi cả nhóm đi lên đồi keo nhà ông Vi Văn T1 ở xóm TĐ, xã TL, huyện Đ để đánh bạc. Khi cả nhóm lên đến nơi chuẩn bị đánh bạc thì Hoàng Văn X đi tới và cùng tham gia đánh bạc. A có gọi điện thoại rủ Ân Văn P đến chơi. Cả nhóm gồm: D, Z, A, U, R, G, X bắt đầu cùng nhau đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền, G là người xóc cái. Các đối tượng tham gia đánh bạc sát phạt nhau được khoảng 30 phút thì Ân Văn P và Ân Văn L đến thấy mọi người đang đánh bạc nên cùng vào tham gia đánh bạc. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, La Văn M1 đi chơi về qua thấy các đối tượng đang đánh bạc nên Thái ngồi tham gia đánh bạc cùng.

Vị trí ngồi các đối tượng tham gia đánh bạc quy định: bên tay trái G là cửa lẻ, bên tay phải G là cửa chẵn. Cửa lẻ gồm: L, R, M1, A. Cửa chẵn gồm: U, Z, D, X, P.

Các đối tượng thống nhất mức đặt tiền thấp nhất mỗi ván là 50.000đ, không quy định đặt tiền mức cao nhất.

Hình thức đánh bạc bằng xóc đĩa được thua bằng tiền quy ước như sau: Khi bắt đầu chơi, người xóc cái cho quân đóm vào đĩa và úp bát lên xóc. Ngồi bên trái xóc cái là bên lẻ, ngồi bên phải xóc cái là bên chẵn. Kết quả chẵn, lẻ được tính như

sau: nếu có 02 hoặc 04 quân vị cùng màu là chắn, còn ngược lại có 01 hoặc 03 quân vị cùng màu là lẻ. Người chơi sẽ đặt tiền cược vào bên chắn hoặc lẻ nếu thắng bạc được hưởng số tiền bằng số tiền đặt cược. Nếu thua bạc thì bị mất số tiền đã đặt cược. Người xóc cái, lấy tiền của những người thua bạc trả cho những người thắng bạc. Nếu tổng số tiền đặt cược của người thua bạc nhỏ hơn số tiền đặt cược của người thắng bạc thì người cầm cái phải lấy tiền của mình ra bù vào trả cho người thắng bạc, ngược lại số tiền đặt cược của người thua bạc lớn hơn số tiền đặt cược của người thắng bạc thì sau khi trả tiền cho người thắng bạc xong người cầm cái được hưởng số tiền chênh lệch còn lại.

Về số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc, các đối tượng kC nhận: Trương Văn G có 800.000đ; Ân Văn L có 630.000đ; Ân Văn P có 750.000đ; La Văn R có 800.000đ; La Văn Z có 400.000đ và vay thêm số tiền 500.000đ của G; La Văn M1 900.000đ; Vi Hồng A có 750.000đ; La Văn U có 1.100.000đ; Lục Văn D có 1.500.000đ; Hoàng văn X có 850.000đ

Các đối tượng cùng nhau đánh bạc đến khoảng 23 giờ 30 cùng ngày thì G hết tiền không chơi nữa, lúc này L thay G xóc cái. G đứng xem các đối tượng đánh bạc đến khoảng 00 giờ ngày 16/3/2020 thì G đi về trước, các đối tượng còn lại tiếp tục sát phạt nhau đến 00 giờ 30 phút ngày 16/3/2020 thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu trên. Các đối tượng đều khẳng định số tiền thu giữ tại nơi đánh bạc là số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc.

Vật chứng của vụ án: Số tiền 5.700.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 đĩa sù; 01 bát sù và 04 quân đóm bằng tre, một mặt được bôi đen, một mặt trắng. Hiện số vật chứng trên đang được lưu giữ, bảo quản theo quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKSĐH ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Vi Hồng A, Lục Văn D, Trương Văn G, Ân Văn L, Ân Văn P, La Văn U, La Văn R, La Văn Z, Hoàng Văn X, La Văn M1 về tội :“**Đánh bạc**” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị

cáo thừa nhận hành vi phạm tội, hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo thể hiện qua bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Vi Hồng A, Lục Văn D, Trương Văn G, Ân Văn L, Ân Văn P, La Văn U, La Văn R, La Văn Z, Hoàng Văn X, La Văn M1 phạm tội: “Đánh bạc”.

Về hình phạt áp dụng:

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Vi Hồng A từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lục Văn D từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng . Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trương Văn G từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Ân Văn L từ 06 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Ân Văn P từ 06 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng . Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt La Văn U từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng . Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt La Văn R từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng . Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt La Văn Z từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng . Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Hoàng Văn X từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng . Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt La Văn M1 từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng . Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 12 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS;

Tịch thu tiêu hủy gồm sau: 01 bát sứ; 01(một) đĩa sứ; 04 quân đóm bằng tre.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm mười nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam thu giữ tại biên bản bắt người quả tang dùng vào việc đánh bạc.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, thừa nhận việc truy tố xét xử là không oan, đúng người, đúng tội, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đó được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên. Viện kiểm sát huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào theo quy định của pháp luật; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay các bị cáo Vi Hồng A, Lục Văn D, Trương Văn G, Ân Văn L, Ân Văn P, La Văn U, La Văn R, La Văn Z, Hoàng Văn X, La Văn M1 thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Lời khai nhận tội của các bị cáo là khách quan phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Hồi 00 giờ 30 phút ngày 16/03/2020, tại bãi trồng keo của ông Vi Văn T1 thuộc xóm TĐ, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Vi Hồng A, Lục Văn D, Ân Văn L, Ân Văn P, La Văn U, La Văn R, La Văn Z, Hoàng Văn X, La Văn M1 đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng gồm 01 bát sứ; 01(một) đĩa sứ; 04 quân dóm bằng tre, số tiền 5.700.000 đồng các bị cáo đều thừa nhận số tiền thu giữ tại nơi đánh bạc là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Cùng ngày thì Trương Văn G chơi thua hết tiền và đi về trước.

Hành vi nêu trên của các bị cáo A,D, G, L, P, U,R, Z, X, M1 đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ.

Nội dung Điều 321 BLHS quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

2....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra theo điều luật nêu trên.

[3] Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an ở địa phương, từ việc đánh bạc có thể dẫn đến nhiều hành vi trái pháp luật khác. Vì vậy việc đưa ra xét xử đối với các bị cáo là cần thiết để răn đe, giáo dục đấu tranh phòng ngừa tội phạm .

[4] Xét vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo tham gia đánh bạc trong vụ án này với vai trò đồng phạm giản đơn các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội mang tính bột phát khi bị cáo A rủ các bị cáo đồng ý mà không có sự chuẩn bị bàn bạc trước nhằm mục đích kiếm lời bất chính.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tuổi đời còn rất trẻ, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu hiểu biết pháp luật hạn chế nhất thời phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, các bị cáo A, Z, R, M1, L, P, G sau khi phạm tội đã đến Công an đầu thú. Đây là, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 BLHS.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, tuổi đời rất trẻ, tính chất mức độ hành vi ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số hiểu biết pháp luật hạn chế, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử thấy rằng không cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà có thể áp dụng Điều 65 BLHS, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Cho các bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm thu lời bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự là phạt tiền sung quỹ Nhà nước.

[5] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân đóm bằng tre.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm mười nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam thu giữ tại biên bản bắt người quả tang các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc.

Trong vụ án này theo ông Vi Văn T1 thì các bị cáo tham gia đánh bạc tại bãi cây keo của nhà ông ông không biết do nhà ở cách xa bãi keo nên không xem xét xử lý.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

*** Tuyên bố:** Các bị cáo Vi Hồng A, Lục Văn D, Trương Văn G, Âu Văn L, Ân Văn P, La Văn U, La Văn R, La Văn Z, Hoàng Văn X, La Văn M1 phạm tội: “Đánh bạc”.

*** Về hình phạt:**

1. Áp dụng: Khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Vi Hồng A 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20(C mười) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2. Áp dụng : Khoản 1 khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Lục Văn D 12 (*Mười C*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*C mười tư*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Áp dụng : Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trương Văn G 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Áp dụng : Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Ân Văn L 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm..

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

5. Áp dụng : Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Ân Văn P 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

6. Áp dụng : Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt La Văn U 12 (*Mười C*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*C mười tư*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

7. Áp dụng : Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt La Văn R 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

8. Áp dụng : Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt La Văn Z 09(*Chín*)tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*)tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

9. Áp dụng : Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Hoàng Văn X 12 (*Mười C*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24(*C mười tư*)tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

10. Áp dụng : Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt La Văn M1 09(*Chín*)tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*)tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo Vi Hồng A, La Văn U, La Văn R và La Văn M1 cho Ủy ban nhân dân Xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Lục Văn D, Trương Văn G, Ân Văn L, Ân Văn P, La Văn Z và Hoàng Văn X cho Ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

*** Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 BLHS ; Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 bát sứ; 01(một) đĩa sứ; 04(bốn) quân đóm bằng tre, một mặt bôi đen, một mặt bôi trắng.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.700.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm nghìn đồng*) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc.

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/6/2020 giữa Công an huyện Đ và chỉ cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên*).

*** Về án phí sơ thẩm:**

Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Vi Hồng A, Lục Văn D, Trương Văn G, Ân Văn L, Ân Văn P, La Văn U, La Văn R, La Văn Z, Hoàng Văn X, La Văn M1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh, huyện Đ,
- Công an huyện Đ;
- T.H.A DS huyện Đ;
- Bị cáo;
- UBND xã TL, xã BĐ
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quang Tuấn

